

Bản án số: 12/2021/ DS-ST

Ngày 18/03/2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Chiên.

2. Ông Đỗ Ngọc Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện YT, tỉnh BG.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa, kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện YT, tỉnh BG.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2020/TLST-DS, ngày 18 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST - DS ngày 03 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Trần Thị T, sinh năm 1956 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố ĐN, thị trấn PX, huyện YT, tỉnh BG.

*** Bị đơn:** Anh Trần Văn B, sinh năm 1980 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn PX, huyện YT, tỉnh BG.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Đoàn Thị Thúy V, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn PX, huyện YT, tỉnh BG. (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa, bà Trần Thị T trình bày: Do quan hệ quen biết nên bà có cho anh Trần Văn B vay tiền, cụ thể các lần vay như sau:

- Ngày 20/4/2020 anh B vay số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

- Ngày 27/4/2020 anh B vay số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

- Ngày 14/5/2020 anh B vay số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Các lần vay anh B đều viết giấy biên nhận nợ với thời hạn vay 02 tháng, mục đích vay lo công việc gia đình, lãi suất thỏa thuận miệng theo quy định của pháp luật. Đến hạn trả nợ, bà đã nhiều lần yêu cầu anh B thanh toán tiền vay nhưng anh B không thanh toán cho bà tiền gốc và lãi như đã cam kết. Nay bà yêu cầu anh B thanh toán cho bà tiền gốc là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) và lãi suất 0.85%/1 tháng kể từ ngày vay đến khi tất toán khoản vay. Chồng bà là ông Nguyễn Thanh Vân, sinh năm 1943 đã chết ngày 31/12/2020.

* Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo, bị đơn là anh Trần Văn B trình bày: Vợ chồng anh đã ly hôn từ tháng 6/2020. Anh xác nhận anh có vay tiền của bà T 03 lần và số tiền vay như bà T trình bày là đúng. Tuy nhiên, các lần vay các bên đều không xác định thời hạn trả, lãi suất vay 2.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Anh xác định đã trả lãi cho bà T vài lần nhưng anh không nhớ cụ thể số tiền đã trả là bao nhiêu, anh không có giấy tờ chứng minh việc anh đã trả lãi cho bà T. Nay bà T yêu cầu anh phải trả tổng số tiền gốc 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) và lãi suất 0.85%/1 tháng kể từ ngày vay đến khi tất toán khoản vay thì anh đồng ý trả gốc và lãi theo yêu cầu của bà T nhưng do làm ăn thua lỗ nên anh xin được trả dần.

* Tại bản tự khai và các lời khai tiếp theo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đoàn Thị Thúy V trình bày: Chị và anh B kết hôn năm 2016 và đã ly hôn tháng 12/2020. Đối với số tiền anh B vay của bà T thì chị không được biết, anh B cũng không nói với chị về khoản vay này, chị không được sử dụng số tiền vay này. Nay bà T yêu cầu anh B trả khoản tiền gốc 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) và lãi suất 0.85%/1 tháng thì chị yêu cầu một mình anh B phải có trách nhiệm trả nợ cho bà T.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và thống nhất tính lãi tất cả các khoản vay từ ngày 14/5/2020 với mức 0.83%/1 tháng, bà T yêu cầu một mình anh B phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi.

+ Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của HĐXX tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Buộc anh Trần Văn B phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị T số tiền gốc 160.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 14/5/2020 đến hết ngày 18/3/2021 là 13.280.000 đồng. Tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi là 173.280.000 đồng.

- Về án phí: Anh Trần Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ kiện: Bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện YT, tỉnh BG buộc anh Trần Văn B phải trả tiền gốc đã vay theo các giấy biên nhận nợ và tiền lãi phát sinh từ ngày 14/5/2020 đến khi xét xử sơ thẩm. Anh Trần Văn B có địa chỉ thường trú tại huyện YT, tỉnh BG. Do vậy, đây là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh BG theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn là anh Trần Văn B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đoàn Thị Thúy V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh B và chị Vân.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ phát sinh từ việc vay nợ giữa bà T với anh B theo các Giấy biên nhận nợ với tổng số tiền gốc là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng) và tiền lãi theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định là 0.83%/ tháng kể từ ngày 14/5/2020 cho đến khi xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử thấy rằng:

+ Đối với yêu cầu trả số tiền gốc: Theo lời trình bày của bà Trần Thị T Tuyết thì xác định được do có nhu cầu vốn kinh doanh sơn phát triển kinh tế gia đình nên anh Trần Văn B có vay của bà ba lần với tổng số tiền là 160.000.000 đồng theo giấy biên nhận vay tiền đề ngày 20/4/2020; 27/4/2020 và 14/5/2020. Anh B xác nhận số tiền nợ gốc và lãi theo yêu cầu của bà T nhưng do làm ăn thua lỗ nên anh xin được trả dần.

Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và các Giấy vay tiền đề ngày 20/4/2020; 27/4/2020 và 14/5/2020 do anh Trần Văn B là người ký nhận và các tài liệu khác có trong hồ sơ nên đã xác định được anh B có nợ của bà T số tiền gốc

160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng). Do vậy yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ, cần được chấp nhận.

+ Đối với yêu cầu trả tiền lãi thì thấy: Trong giấy vay tiền các bên không thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên các đương sự đều thống nhất trình bày các bên có thỏa thuận lãi suất bên ngoài. Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo bà T yêu cầu anh B phải chịu lãi suất 0.85%/tháng kể từ thời điểm vay. Tuy nhiên tại phiên tòa bà T xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Bà T yêu cầu anh B phải trả lãi suất với mức 0,83%/tháng kể từ ngày 14/5/2020 đến ngày xét xử là 10 tháng 04 ngày nhưng bà T chỉ yêu cầu làm tròn thành 10 tháng là 13.280.000 đồng. Đối với yêu cầu tính lãi này trong quá trình giải quyết vụ kiện anh B cũng đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu của bà T, yêu cầu này cũng phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm trả nợ: Quá trình giải quyết vụ án bà T yêu cầu một mình anh Trần Văn B phải trả toàn bộ số nợ gốc và lãi cho bà, bà không yêu cầu chị Đoàn Thị Thúy V phải trả tiền cho bà nên cần buộc anh Trần Văn B phải trả toàn bộ số nợ gốc và lãi cho bà Trần Thị T là phù hợp.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T được chấp nhận, do vậy anh Trần Văn B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468- Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

Buộc anh Trần Văn B phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị T tổng số 173.280.000 đồng (Một trăm bảy mươi ba triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 160.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 14/5/2020 đến hết ngày 18/3/2021 làm tròn 10 tháng là 13.280.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Văn B phải chịu 8.664.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận :

- Tòa án nhân dân tỉnh BG;
- VKSND tỉnh BG;
- VKSND huyện YT;
- Chi cục THA dân sự huyện YT;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Việt Hùng